
Bản án số: 21/2021/DSPT

Ngày 15 tháng 4 năm 2021

V/v “*Yêu cầu chấm dứt hành vi trái pháp luật
và bồi thường thiệt hại do hành vi trái pháp luật*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Chí Trung

Các Thẩm phán: Ông Vũ Việt Dũng

Ông Cao Văn Hiếu

-Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Dự-Cán bộ TAND TP Đà Nẵng.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng: Bà Lương Thị Chung-Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 15 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2021/TLPT-DS ngày 04 tháng 01 năm 2021 về việc “*Yêu cầu chấm dứt hành vi trái pháp luật và bồi thường thiệt hại do hành vi trái pháp luật*” do Bản án dân sự sơ thẩm số: 62/2020/DS-ST ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân quận C, thành phố Đà Nẵng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 12/2021/QĐ-PT ngày 03 tháng 3 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 13/2021/QĐ-PT ngày 10 tháng 3 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 13/2021/QĐ-PT ngày 10 tháng 3 năm 2021 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 18/2021/QĐPT-DS ngày 17 tháng 3 năm 2021 giữa:

-Nguyên đơn: Bà Thái Thị N, sinh năm 1970-ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1965.

Cùng địa chỉ: Số X4 đường 6, phường B, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo ủy quyền của bà N:

Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1965.

Địa chỉ: Số X4 đường 6, phường B, thành phố Đà Nẵng.

-Bị đơn: Bà Hồ Thị Ánh T, sinh năm: 1973.

Địa chỉ: Số X 7 đường H, thành phố Đà Nẵng.

-Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông Yoon Sang C, sinh năm: 1953.

Địa chỉ: Căn hộ X1 khối đường Y, phường C, thành phố L.

2/ Ông Trần Đức T, sinh năm: 1978.

Địa chỉ: Số X 2 đường H, phường B, thành phố Đà Nẵng.

3/ Bà Lê Thị M, sinh năm: 1977.

Địa chỉ: Xã D, huyện V, tỉnh H.

Hiện tạm trú tại: X1 đường Duật, phường B, thành phố Đà Nẵng.

-Người kháng cáo: Ông Nguyễn Văn L.

NỘI DUNG VỤ ÁN

-Nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 01 tháng 4 năm 2018, vợ chồng tôi có ký hợp đồng cho thuê căn nhà số X2 đường K, phường B, quận T, thành phố Đà Nẵng với bà Lê Thị M. Khi cho thuê chúng tôi không biết gì về việc bà M hợp tác với ông Yoon Sang C. Đến tháng 3 năm 2019 thì bà M tự ý chấm dứt hợp đồng trước thời hạn nên chúng tôi đã lấy lại nhà. Tuy nhiên, không rõ lý do gì, ông Yoon Sang C ủy quyền cho bà Hồ Thị Ánh T đòi tiền từ bà M. Khi không tìm gặp được bà M, bà T và một nhóm người đi cùng liên tục gây sức ép với vợ chồng tôi, buộc chúng tôi phải trả lại số tiền 150.000.000đ. Đồng thời yêu cầu chúng tôi phải mở cửa để bà T vào nhà thuê lấy đồ dùng của bà M. Chúng tôi không đồng ý với thái độ với cách cư xử của bà T nên bà T và nhóm người đi cùng liên tục gây rối, cản trở chúng tôi trong việc tiếp tục cho người khác thuê nhà, cụ thể: bà T và người đi cùng là ông Trần Đức T xé giấy thông báo cho thuê nhà nhét que, nhỏ

keo vào ổ khóa nên không thể mở được cửa, hăm dọa, những người thuê nhà. Sự việc kéo dài liên tục từ ngày 01/4/2019 đến tháng 10 năm 2019 thì tạm thời chấm dứt.

Nay, chúng tôi yêu cầu Tòa án buộc bà T phải chấm dứt hành vi cản trở việc cho thuê nhà của chúng tôi tại số X2 đường K, phường B, thành phố Đà Nẵng và bồi thường thiệt hại do không thể kinh doanh cho thuê nhà trong thời gian từ ngày 01/4/2019 cho đến ngày 11/10/2019 với số tiền 310.000.000đ.

-Bà Hồ Thị Ánh T trình bày:

Vào ngày 01 tháng 4 năm 2018, bà Lê Thị M và ông Yoon Sang C ký hợp đồng hợp tác để mở quán cắt tóc. Bà M thuê căn nhà của ông Nguyễn Văn L và bà Thái Thị N tại X2 đường K, phường B, thành phố Đà Nẵng, thời hạn thuê là 10 năm.

Ngày 25/1/2019, ông Yoon Sang C có giấy ủy quyền cho tôi được liên hệ với bà M và các cơ quan chức năng có thẩm quyền để nhận lại từ bà M số tiền 575.000.000đ.

Tôi đã đến gặp bà M và quản lý quán để duy trì hợp đồng thuê nhà kinh doanh dịch vụ cắt tóc gọi đầu của ông Yoon Sang C với bà M thì bị ông L và bà N ngăn cản, trong khi hợp đồng thuê nhà vẫn còn hiệu lực. Do vợ chồng ông L có hành vi ngăn cản nên hoạt động kinh doanh đã bị ách tắc và dẫn đến các trang thiết bị trong đó có vốn góp của ông Yoon Sang C bị thất thoát hư hỏng. Bản thân tôi không gây thiệt hại gì về tài sản, vật chất cho ông L, bà N. Do đó, tôi không chấp nhận yêu cầu khởi kiện về hành vi cản trở và bồi thường thiệt hại của ông Nguyễn Văn L và bà Thái Thị N.

-Ông Trần Đức T trình bày:

Tôi là lái xe cho bà Hồ Thị Ánh T, khi xảy ra vụ việc, tôi không có liên quan gì.

Với nội dung trên, án sơ thẩm đã xét xử và quyết định.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn L và bà Thái Thị N với bà Hồ Thị Ánh T, xử:

Buộc bà Hồ Thị Ánh T chấm dứt hành vi cản trở việc cho thuê nhà tại số X2 đường K, phường B, quận T, thành phố Đà Nẵng của ông Nguyễn Văn L và bà Thái Thị N.

2. Bác yêu cầu của ông Nguyễn Văn L và bà Thái Thị N buộc bà Hồ Thị Ánh T bồi thường thiệt hại tổn thất về kinh tế do không thể kinh doanh cho thuê nhà trong thời gian từ ngày 01/4/2019 cho đến ngày 11/10/2019 với số tiền 310.000.000đ.

Ngoài ra, bản án còn tuyên án phí và quyền kháng cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa; Sau khi đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng phát biểu; Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Ông Nguyễn Văn L và bà Thái Thị N cho rằng bà Hồ Thị Ánh T đã hành vi cản trở việc ông, bà cho thuê nhà nên yêu cầu bà T chấm dứt hành vi cản trở và bồi thường thiệt hại do hành vi cản trở việc thuê nhà nhưng cấp sơ thẩm nhận định “*đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về quyền sở hữu và các quyền khác đối với tài sản*” là không đúng, cần rút kinh nghiệm.

[2] Ông Nguyễn Văn L và bà Thái Thị N cho rằng bà Hồ Thị Ánh T đã có hành vi cản trở việc cho thuê căn nhà X2 đường K, phường B, thành phố Đà Nẵng, do ông-bà làm chủ sở hữu nên khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà T chấm dứt hành vi cản trở việc ông-bà cho thuê nhà và bồi thường do mất thu nhập từ ngày 01/4/2019 cho đến ngày 11/10/2019 với số tiền 310.000.000đ.

[3] Tại Bản án sơ thẩm số: 62/2020/DSST ngày 24 tháng 11 năm 2020, Tòa án nhân dân quận C, thành phố Đà Nẵng đã chấp nhận yêu cầu của ông L-bà N về việc buộc bà T chấm dứt hành vi trái pháp luật, không chấp nhận yêu cầu của ông L-bà N về việc buộc bà T bồi thường thiệt hại.

[4] Xét kháng cáo của ông L thì thấy:

[4.1] *Thứ nhất, về hành vi trái pháp luật của bà T:* Theo đơn khởi kiện của ông L-bà N thì vào tháng 4 năm 2019 trên danh nghĩa được ông Yoon Sang C ủy quyền thu hồi số tiền 575.000.000đ do bà Lê Thị M nợ, liên quan đến việc ông Yoon Sang C và bà M hợp tác kinh doanh, thuê nhà của ông L-bà N nên bà T đã gây ồn ào, cản trở việc ông L-bà N tiếp tục cho thuê nhà tại X2 đường K, phường B, thành phố Đà Nẵng. Ông

L-bà N xác định đến tháng 10 năm 2019 thì bà T chấm dứt hành vi cản trở cho thuê nhà.

[4.2] Tại “*Biên bản xác minh*”, do Tòa án nhân dân quận C tiến hành ngày 06 tháng 7 năm 2020, Công an phường B xác định: “*tháng 04 năm 2019 Công an phường B, quận T, thành phố Đà Nẵng có tiếp nhận tin báo vụ việc giữa ông Nguyễn Văn L-bà Thái Thị N với bà Hồ Thị Ánh T. Tại thời điểm đó hai bên có lời qua tiếng lại nhưng chưa có hành vi gây rối hay dấu hiệu vụ án hình sự nên cơ quan công an phường không khởi tố. Từ tháng 11 năm 2019 đến nay tại địa chỉ X2 đường K, thành phố Đà Nẵng không có xảy ra việc gây rối, cản trở, lời qua, tiếng lại giữa bà Hồ Thị Ánh T đối với ông L-bà N. Công an phường B cũng không tiếp nhận tin báo nào từ phía ông Nguyễn Văn L-bà Thái Thị N. Sau thời điểm nêu trên, ông L có cho người khác thuê lại tại X2 đường K. Hiện nay ông L đang cải tạo nâng cấp thành phòng trọ*”. Như vậy, theo đơn khởi kiện của ông L-bà N thì vào thời điểm ông L-bà N khởi kiện, ngày 03/6/2019, bà T đang có hành vi cản trở việc ông L-bà N cho thuê nhà, do đó Tòa án đã thụ lý vụ án theo thẩm quyền nhưng đến tháng 10/2019 bà T không còn hành vi cản trở việc ông L-bà N cho thuê căn nhà X2 đường K, thành phố Đà Nẵng. Lẽ ra, tại quyết định bản án, cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của ông L-bà N về việc buộc bà T chấm dứt hành vi cản trở việc cho thuê ngôi nhà X2 đường K, thành phố Đà Nẵng. Đồng thời xem xét trong khoảng thời gian từ tháng 4/2019 (theo ông L-bà N là thời điểm phát sinh hành vi cản trở) đến tháng 10/2019 (theo ông L-bà N là thời điểm kết thúc hành vi cản trở) bà T có cản trở việc ông L-bà N cho thuê nhà X2 đường K, thành phố Đà Nẵng hay không và nếu có thì hành vi đó có gây thiệt hại cho ông L-bà N không nhưng cấp sơ thẩm lại cho rằng “*để phòng ngừa trường hợp có thể tiếp diễn sự việc hoặc có tranh chấp khác xảy ra, đồng thời để bảo vệ quyền sở hữu, quyền khác đối với tài sản của chủ sở hữu*” do đó buộc bà T chấm dứt hành vi cản trở việc cho thuê nhà, là không đúng. Mặc dù sau khi xét xử sơ thẩm, bà T không kháng cáo nhưng ông L kháng cáo toàn bộ bản án nên HĐXX phúc thẩm thấy cần xem xét quyết định bản án về nội dung này vì có liên quan đến kháng cáo như quy định tại khoản 1 Điều 293 Bộ luật tố tụng dân sự. HĐXX sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu của

ông L-bà N về việc buộc bà T chấm dứt hành vi cản trở cho thuê nhà X2 đường K, phường B, thành phố Đà Nẵng như quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng.

[5] *Thứ hai, về yêu cầu của bồi thường thiệt hại*: Yêu cầu của ông L-bà N thuộc trường hợp bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng theo quy định tại Điều 584 Bộ luật dân sự. Theo quy định tại Điều 584 Bộ luật dân sự thì “*người nào có hành vi xâm phạm....tài sản, quyền lợi ích hợp pháp của người khác mà gây thiệt hại thì phải bồi thường*”. Ông L cho rằng vào tháng 4 năm 2019 đến tháng 10 năm 2019 bà T đã có hành vi ngăn cản ông cho thuê nhà ở tại X2 đường K, thành phố Đà Nẵng, gây thiệt hại số tiền 310.000.000đ. Tuy nhiên ông L cũng không chứng minh được hành vi của bà T đã gây thiệt hại cho ông L-bà N trong việc cho thuê căn nhà X2 đường K, thành phố Đà Nẵng.

[6] Tại phiên tòa ngày 17 tháng 3 năm 2021, HĐXX đã tạm ngừng phiên tòa, để ông L cung cấp chứng cứ, tài liệu chứng minh bà T đã gây thiệt hại cho ông L-bà N. Ngày 18 tháng 3 năm 2021, cấp phúc thẩm đã tiến hành ghi lời khai của ông L, ông L xuất trình các tài liệu là hợp đồng thuê nhà giữa bà Thái Thị N với bà Lê Thị H và giấy nhận tiền đặt cọc thuê nhà giữa bà Thái Thị N với bà Lê Thị B. Xem xét, đánh giá các tài liệu này thì thấy:

[6.1] Đối với hợp đồng thuê nhà giữa bà Thái Thị N với bà Lê Thị H thì không xác định được thời điểm các bên ký hợp đồng vì hợp đồng thuê nhà không ghi ngày, tháng, năm do đó không xác định được là bà H ký hợp đồng thuê nhà với bà N trước hay sau khi bà Lê Thị M ký hợp đồng thuê nhà với ông L-bà N. Tuy nhiên, tại Điều 2, (thời hạn thuê nhà) của “*Hợp đồng thuê nhà*” giữa bà N với bà H thì thời hạn thuê từ ngày 15/4/2019 đến ngày 10/4/2025. Đây là khoảng thời gian bà M thuê mà thời điểm kết thúc hợp đồng thuê là vào ngày 04 tháng 4 năm 2028. Do đó, về nguyên tắc, bà N không được cho bà H thuê trong khi thời hạn thuê của bà M chưa chấm dứt. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông L xác định hợp đồng thuê nhà giữa bà N với bà H ký vào ngày 06/4/2019. HĐXX thấy: Tại Điểm 11, Mục 4.5 của Hợp đồng thuê nhà giữa bà Lê Thị M với bà Thái Thị N quy định “*Bên B phải trả tiền thuê nhà trước ngày 30/4 của năm*

tiếp theo” và “nếu bên B trả trễ so với thời gian hợp đồng 10 ngày thì bên A có quyền hủy hợp đồng và bên B sẽ mất tiền cọc 3 tháng”. Như vậy, sau khi kết thúc thuê năm thứ nhất vào ngày 04/4/2019 thì bà M phải trả tiền thuê năm thứ hai trước ngày 30/4/2019 và sau ngày 10/5/2019 bà N mới có quyền hủy hợp đồng nhưng vào ngày 06/4/2019 bà N ký hợp đồng thuê nhà với bà Lê Thị H là không phù hợp. Tại cấp phúc thẩm, ông L cũng không cung cấp được địa chỉ của bà H, do đó cấp phúc thẩm không thể làm rõ các nội dung liên quan đến hợp đồng thuê nhà giữa bà N với bà H.

[6.2] Đối với giấy đặt cọc giữa bà N với bà Lê Thị B thể hiện: Ngày 06/5/2019 bà B đặt cọc 200.000.000đ, ngày 07/5/2019 bà B nhận lại 200.000.000đ đã giao cọc nhưng không thể hiện vì sao bà B nhận lại tiền đặt cọc. Ông L cho rằng bà B nhận lại tiền cọc là “*nghe thông tin là có giang hồ đến quấy phá*”. Đây cũng là ý kiến một chiều của ông L chứ không phải ý kiến của bà B vì hiện tại ông L cũng không cung cấp được địa chỉ của bà B để cấp phúc thẩm làm rõ các nội dung liên quan. Mặt khác, đây chỉ là giấy đặt cọc chứ không phải hợp đồng thuê nhà như ông L trình bày.

[6.3] Ngoài ra, ông L cung cấp một số hình ảnh về xe ô tô 92A10881, về người, về cảnh, vật đều là bản photocopy và nhật ký do ông L tự ghi diễn biến sự việc nhưng các tài liệu này cũng không thể hiện được thiệt hại xảy ra là gì.

[7] Xem xét diễn biến sự việc xảy ra giữa bà T với ông L-bà N thì thấy:

[7.1] Tại biên bản lấy lời khai, do cấp phúc thẩm tiến hành ngày 18 tháng 3 năm 2021 ông L xác định là: Từ ngày 13 tháng 3 năm 2019 đến ngày 06 tháng 4 năm 2019 bà T là người trực tiếp quản lý ngôi nhà X2 đường K, thành phố Đà Nẵng là phù hợp với việc bà Hoàng Lê Thị Bích V-quản lý tại cơ sở Spa Vip bàn giao tiền cho chủ mới là bà T theo “*Giấy nhận tiền*” ngày 16/3/2019 (BL 257). Như vậy, việc bà T quản lý ngôi nhà là trên cơ sở thỏa thuận giữa ông L với bà T theo “*Giấy cam kết*”. Tại “*Giấy cam kết*” có nội dung là bà T “*tiếp tục tiếp quản tiệm tóc và sử dụng mặt bằng là ngôi nhà X2 đường K*”... “*đến ngày 01/4/2019 hai bên sẽ tiếp tục bàn bạc thực hiện hợp đồng thuê nhà X2 đường K*”. Cũng tại biên bản ghi lời khai này, ông L xác định là do giữa ông và bà T chưa thống nhất về giá thuê nhà nên 06 ngày sau, tức ngày 06/4/2019

ông L thay ổ khóa, không cho bà T vào nhà. Ngày 08/4/2019 bà T đến ngôi nhà mới biết sự việc.

[7.2] Tại biên bản ghi lời khai, do Công an phường B tiến hành ngày 08 tháng 4 năm 2019, bà T khai: *“Sáng nay tôi đến tìm cắt tóc Vip nhưng mở khóa không được nên có hỏi tổ trưởng thì được biết bà N chủ nhà đã đổi khóa, nên tôi có gọi công an phường B đến giải quyết. Tôi không biết nguyên nhân vì sao bà N lại thay khóa”* (BL 148).

[7.3] Tại biên bản ghi lời khai, do Công an phường B tiến hành ngày 09/10/2019, bà T khai: *“Từ tháng tư đến tháng 5 năm 2019 tôi có đến gặp ông L để thỏa thuận về hợp đồng tiếp tục theo ngôi nhà năm X2 đường K, phường B, quận Tnhưng thương lượng hợp đồng không thành, ông L không cho tiếp tục thuê nữa. Sau đó tôi có đến gặp ông L yêu cầu trả lại số tài sản ông C đã đầu tư mở quán hót tóc Vip tại X2 đường K”*.

[7.4] Tại biên bản giải quyết đơn của bà T ngày 30 tháng 5 năm 2019 UBND phường B đã kết luận *“trong quá trình chờ cơ quan chức năng giải quyết yêu cầu gia đình bà N giữ nguyên hiện trạng tài sản mà bà M đã đầu tư tại quán hót tóc Vip tại số nhà X2 đường K”*.

[8] Như vậy, do ông L ban đầu đồng ý cho bà T thuê lại căn nhà X2, đường K, thành phố Đà Nẵng nhưng sau đó không thực hiện nên bà T đến gặp ông L giải quyết việc cho thuê nhà cũng như liên tục gửi đơn đến Công an và UBND phường B, yêu cầu ông L giải quyết các vấn đề mà bà T cho rằng là có liên quan đến quyền lợi của bà T. Ông L cho rằng bà T có hành vi cản trở không cho ông L cho thuê ngôi nhà X2, đường K, thành phố Đà Nẵng, gây thiệt hại số tiền 310.000.000đ là không có căn cứ. Giữa bà T và ông L-bà N chỉ có *“lời qua tiếng lại nhưng chưa có hành vi gây rối”* như tại *“Biên bản xác minh”*, ngày 06 tháng 7 năm 2020, Công an phường B cung cấp mà nguyên nhân *“lời qua tiếng lại”* chủ yếu là do ông L cam kết cho bà T thuê nhà nhưng sau đó không thực hiện.

[9] Tại các đơn do ông L gửi các cơ quan chức năng cũng như tại phiên tòa phúc thẩm, ông L xác định là rất nhiều lần bà T đến nhà của ông tại Số X4 đường 6, phường

B, thành phố Đà Nẵng đề đe dọa, uy hiếp gia đình ông nhưng không có cơ sở. Trong trường hợp nếu có việc bà T gây rối, ồn ào thì cũng không phải tại địa điểm X2 đường K, thành phố Đà Nẵng. Tại các đơn nói trên, ông L cũng xác định ông T là người đến X2 đường K, thành phố Đà Nẵng xé giấy cho thuê nhà, nhét keo vào ổ khóa....Nếu có, thì đây là hành vi của ông T chứ không phải hành vi của bà T.

[10] Cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của ông L-bà N về việc buộc bà T bồi thường thiệt hại do mất thu nhập từ việc cho thuê nhà X2 đường K, thành phố Đà Nẵng, số tiền 310.000.000đ là có cơ sở. HĐXX phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông L-bà N; giữ nguyên quyết định bản án về nội dung này như đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng.

[11] Về yêu cầu phản tố của bà T thì thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án, cấp sơ thẩm không xem xét yêu cầu phản tố của bà T. Sau khi xét xử sơ thẩm, bà T không kháng cáo nhưng có đơn đề cập đến những nội dung liên quan đến tài sản tại X2 đường K, thành phố Đà Nẵng. Bản thân bà T cho rằng *“quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm”* nên yêu cầu phản tố là *“yêu cầu thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án”* nhưng cấp sơ thẩm cho rằng *“Nếu có yêu cầu thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án hoặc thấy quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm, bà Hồ Thị Ánh T có thể khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác”* (BL 333). Lẽ ra, cấp sơ thẩm phải xem xét trong các yêu cầu của bà T, yêu cầu nào là phản tố để thụ lý vì đây là quyền tố tụng phản tố gắn liền với bị đơn vụ án. Tuy nhiên, do quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm và đến khi xét xử phúc thẩm, chưa có căn cứ xác định tại X2 đường K, thành phố Đà Nẵng có những tài sản gì và bà T có phải là chủ sở hữu đối với các tài sản đó hay không nên việc cấp sơ thẩm không xem xét yêu cầu của bà T là không gây thiệt hại cho bà T. Khi nào bà T có đủ căn cứ chứng minh tài sản đầu tư tại Spa Vip X2 đường K, thành phố Đà Nẵng là tài sản của bà T thì khởi kiện vụ án khác. Đối với việc bà T cho rằng trong thời gian quản lý Spa Vip, bà T có để lại một số tài sản tại X2 đường K, thành phố Đà Nẵng, nếu có đủ căn cứ thì khởi kiện đòi tài sản đối với ông L-bà N.

[12] Do không chấp nhận kháng cáo nên ông L-bà N phải chịu án phí DSPT.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 308; Điều 91, 93 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1/ Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn L và bà Thái Thị N; Sửa một phần Bản án sơ thẩm số: 62/2020/DS-ST ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân quận C, thành phố Đà Nẵng.

1.1 Không chấp yêu cầu của ông Nguyễn Văn L và bà Thái Thị N về việc buộc bà Hồ Thị Ánh T “*chấm dứt hành vi cản trở cho thuê nhà*”.

1.2 Không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn L và bà Thái Thị N về việc buộc bà Hồ Thị Ánh T bồi thường thiệt hại số tiền: 310.000.000đ, do có hành vi “*cản trở cho thuê nhà*”.

1.3. Án phí DSST, ông Nguyễn Văn L và bà Thái Thị N phải nộp 300.000đ.

1.4 Án phí TCDS, ông Nguyễn Văn L và bà Thái Thị N phải chịu: 15.500.000đ, được trừ vào 4.375.000đ tạm ứng án phí đã nộp (biên lai số: 001837 ngày 16 tháng 7 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận C, thành phố Đà Nẵng). Ông Nguyễn Văn L và bà Thái Thị N phải nộp tiếp số tiền án phí là: 11.125.000đ.

2/ Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn L và bà Thái Thị N phải chịu 300.000đ, được trừ vào 300.000đ tạm ứng án phí DSPT đã nộp (biên lai số: 0005176 ngày 16 tháng 12 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận C, thành phố Đà Nẵng).

3/ Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên.

Nơi nhận:

- VKSND TP Đà Nẵng;
- TAND quận C;
- Chi cục THADS quận C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)
Trương Chí Trung**